

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày: 17-03-2020

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Hà Văn Trường

Ông Đặng Ngọc Thương

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà
Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 03 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu
xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 442/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 10
năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 22/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số
16/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1956; Địa chỉ: số.. TKC, phường
TĐ, Quận M, Thành phố H (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Anh, sinh năm 1971; Địa chỉ:
số... LQĐ, phường T, thành phố V, tỉnh B (Vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử
vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Minh Đ, sinh năm 1961; Hộ khẩu thường trú: số... Trung
tâm ĐTCL, phường T, thành phố V, tỉnh B (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2019 và quá trình tố tụng tại Tòa,
phía nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02 tháng 3 năm 2016 ông Nguyễn Tiến L cho ông Bùi Minh Đ vay
1.500.000.000đ (Một tỷ, năm trăm triệu đồng), với hình thức vay tín chấp, thời hạn vay
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, lãi suất theo quy định của nhà nước, tiền lãi trả từ
ngày 01 đến 05 hàng tháng. Hợp đồng vay tiền được Văn phòng Công chứng Chí Linh,
tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu chứng nhận cùng ngày 02 tháng 3 năm 2016. Sau khi ký hợp
đồng, ông L đã giao cho ông Đ 1.500.000.000đ (Một tỷ, năm trăm triệu đồng).

Từ thời điểm vay tiền đến nay, ông Đ không trả tiền lãi, tiền gốc cho ông L
theo đúng thỏa thuận. Sau rất nhiều lần ông L nhắc nhở thì khoảng tháng 6 năm 2018
ông Đ chỉ trả cho ông L được 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nợ gốc.

Nay, ông L yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả 1.300.000.000đ (Một tỷ, ba trăm triệu đồng) nợ gốc còn lại, không yêu cầu ông L trả tiền lãi.

Đây là giao dịch riêng giữa ông L và ông Đ nên ông L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L là vợ của ông Đ cùng chịu nghĩa vụ trả số tiền này cho ông L.

Bị đơn Bùi Minh Đ được triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa án làm việc, không có ý kiến trình bày gửi Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 11 năm 2019, bà Đào Minh Y trình bày: Bà không liên quan đến hợp đồng vay tiền giữa ông L và ông Đ, bà không yêu cầu quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến hợp đồng vay tiền trên.

Bà Nguyễn Thị Kim L vợ ông Bùi Minh Đ được triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa án làm việc, không có ý kiến trình bày gửi Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Việc ông Bùi Minh Đ vi phạm nghĩa vụ, không trả nợ gốc, lãi đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của ông Nguyễn Tiến L nên ông L khởi kiện là có cơ sở. Ông L xác định ông Đ đã trả cho ông L 200.000.000 đồng, nay ông L yêu cầu ông Đ trả 1.300.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Tiến L khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Bùi Minh Đ, hợp đồng vay tiền được thực hiện tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 26; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Bị đơn ông Bùi Minh Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu đòi số tiền nợ gốc 1.300.000.000đ (Một tỷ, ba trăm triệu đồng) của nguyên đơn:

Nguyên đơn cung cấp “Hợp đồng vay tiền” có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Chí Linh, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 02 tháng 03 năm 2016 với nội dung ông L cho ông Đ vay 1.500.000.000đ (Một tỷ, năm trăm triệu đồng). Ông L cho rằng đã giao đủ số tiền trên cho ông Đ. Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của ông L xác định từ thời điểm vay tiền đến nay ông Đ không trả cho ông L được khoản tiền lãi nào mà chỉ trả cho ông L được 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) nợ gốc.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu

thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án cũng như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho ông Đ.

Tuy nhiên, ông Đ không tới Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có văn bản trình bày ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Đây là các Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, ông L đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay, đã giao tài sản cho ông Đ theo quy định tại Điều 465 Bộ luật Dân sự nên ông Đ có nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện đòi 1.300.000.000đ (Một tỷ, ba trăm triệu đồng) của ông L đối với ông Đ được chấp nhận.

Về tiền lãi phát sinh: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.2]. Xét về người có nghĩa vụ trả nợ và người được trả tiền:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng vay tiền thì “Bên B (ông Đ) cam kết sử dụng số tiền vay vì mục đích cá nhân riêng của bên B, bên B cam kết sử dụng các tài sản riêng của bên B để đảm bảo nghĩa vụ”.

Bà Đào Minh Y - vợ ông L và Người đại diện theo ủy quyền của ông L cũng chỉ yêu cầu riêng ông Đ có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu cho ông L. Ông Bùi Minh Đ và vợ là bà Nguyễn Thị Kim L không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông L, do đó yêu cầu của ông L về việc riêng ông Đ có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho ông L là phù hợp, được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự có giá ngạch : Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Bùi Minh Đ phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả cho ông Nguyễn Tiến L là 51.000.000đ (Năm mươi một triệu đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến L được chấp nhận toàn bộ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 463; Điều 465; Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến L với ông Bùi Minh Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

Buộc ông Bùi Minh Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Tiến L số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ, ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch: Ông Bùi Minh Đ phải chịu 51.000.000đ (Năm mươi một triệu đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7A, 7B và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm